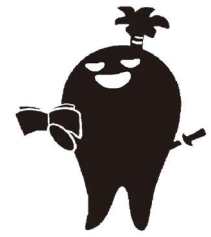




TOYOGENGOBUNKAGAKUIN
東洋言語文化学院

Asian Language & Culture College

Chương trình tuyển sinh



1. Yêu cầu tuyển sinh

- Ứng viên đã hoàn thành chương trình giáo dục hệ 12 năm hoặc chương trình giáo dục tương ứng
- Ứng viên có chứng chỉ kiểm tra năng lực tiếng Nhật N5 trở lên hoặc trình độ năng lực tiếng Nhật cấp tương đương, nhưng khi nộp hồ sơ, yêu cầu về năng lực tiếng Nhật sẽ căn cứ vào chương trình đào tạo.
- Ứng viên dự kiến sẽ được cấp phép nhập cảnh vào Nhật Bản qua thủ tục hợp pháp
- Ứng viên có khả năng chi trả học phí và chi phí sinh hoạt trong thời gian lưu trú tại Nhật Bản, hoặc do người hỗ trợ tài chính chi trả

2. Về thời gian nhập học, tên chương trình đào tạo, số người, năng lực tiếng Nhật khi nhập học

Thời gian nhập học	Tên chương trình	Thời gian đào tạo	Số người	Tiêu chuẩn năng lực tiếng nhật khi nhập học
Tháng 4	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 1 năm	1 năm	200 người	Trình độ JLPT N3
	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 2 năm	2 năm		Trình độ JLPT N5 ※ Hoặc người đã được đào tạo hơn 150 giờ tiếng Nhật tại các trường đại học hoặc trường dạy tiếng Nhật
Tháng 7	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 1 năm 9 tháng	1 năm 9 tháng		Trình độ JLPT từ N5 đến N4
Tháng 10	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 1 năm 6 tháng	1 năm 6 tháng		Trình độ JLPT N4
Tháng 1	Giáo dục đại học và khóa học việc làm 1 năm 3 tháng	1 năm 3 tháng		Trình độ JLPT từ N4 đến N3

3. Thời gian lên lớp và ngày nghỉ

- Thời gian lên lớp: thứ 2 đến thứ 6, một ngày 4 tiết
Thời gian lên lớp sáng: 8:40-12:00 (có giờ nghỉ)
Thời gian lên lớp chiều: 13:30-16:50 (có giờ nghỉ)
- Ngày nghỉ: thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ của Nhật Bản, kỳ nghỉ Okinawa, kỳ nghỉ của trường.
Kỳ nghỉ của trường: xuân, hạ, thu, đông, mỗi mùa khoảng 2-3 tuần.

4. Quy trình tuyển sinh

- 1) Đăng ký: Vui lòng liên hệ với chúng tôi ít nhất 9 tháng trước kỳ nhập học.
- 2) Kỳ thi nhập học: Chúng tôi sẽ liên hệ với bạn về kỳ thi nhập học.
 - ※ Vui lòng chuẩn bị các tài liệu cần thiết để nộp cho văn phòng di trú. Các tài liệu này sẽ được xác minh vào ngày thi.
 - ※ Vui lòng tham khảo mục “5. Hồ sơ cần nộp” trong hướng dẫn này để biết chi tiết về các giấy tờ cần thiết.
- 3) Kết quả nhập học: Ứng viên đạt yêu cầu trong kỳ thi nhập học sẽ bắt đầu chuẩn bị hồ sơ nộp cho Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Nhật Bản.
 - ※ Trong trường hợp có hành vi gian lận, lệ phí thi sẽ không được hoàn trả, bất kể kết quả trúng tuyển.
- 4) Đơn xin Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Nhật Bản: Chúng tôi sẽ nộp đơn xin Giấy chứng nhận tư cách lưu trú với Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Nhật Bản.
- 5) Thông báo kết quả xét duyệt Giấy chứng nhận tư cách lưu trú
 - ※ Chúng tôi sẽ gửi dữ liệu của Giấy chứng nhận tư cách lưu trú đến những người đã được cấp Giấy chứng nhận này.
 - ※ Xin lưu ý rằng nếu Giấy chứng nhận tư cách lưu trú không được cấp do không khai báo các lần từ chối trước đây, bạn sẽ phải thanh toán phí thi.
- 6) Thanh toán học phí và phí: Giấy chứng nhận đủ tư cách lưu trú sẽ được gửi sau khi xác nhận việc thanh toán học phí và phí của bạn.
 - ※ Việc thanh toán trễ có thể khiến bạn bỏ lỡ ngày bắt đầu lớp học đã được lên lịch. Vui lòng thanh toán kịp thời để tránh gặp phải vấn đề này.
- 7) Đăng ký visa du học: Vui lòng nộp đơn xin visa du học tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản ở nước ngoài.
- 8) Cấp visa du học: Vui lòng thông báo cho trường chúng tôi ngay khi visa du học của bạn được cấp.
 - ※ Chúng tôi sẽ thông báo cho bạn về các ngày nhập cảnh đã được chỉ định.
 - ※ Nếu việc cấp visa bị từ chối bởi Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản, chúng tôi sẽ hoàn lại số tiền đã thanh toán, trừ các khoản phí thi, phí nhập học, phí nhập học ký túc xá, và phí chuyển tiền cho các khoản thanh toán đã gửi từ trường chúng tôi, sau khi hoàn tất thủ tục cần thiết.
- 9) Nhập cảnh: Vui lòng đến Okinawa vào các ngày nhập cảnh đã được chỉ định.
 - ※ Nếu bạn đến vào ngày không phải là ngày nhập cảnh đã chỉ định, bạn sẽ phải trả phí đón 5.000 JPY.
- 10) Nhập học: Chúc mừng bạn đã trúng tuyển! Chúng ta hãy cùng nhau học tập chăm chỉ cho đến khi tốt nghiệp nhé.

5. Hồ sơ cần nộp

- 1) Đơn xin nhập học (Mẫu đơn theo quy định)
 - ※ Vui lòng viết tên của bạn bằng chữ cái La-tinh
 - ※ Vui lòng điền đầy đủ thông tin vào tất cả các mục yêu cầu. Nếu có thông tin không áp dụng, hãy ghi "Không có"

- ※ Vui lòng đảm bảo rằng thông tin trong mẫu đơn khớp với các tài liệu khác.
 - ※ Nếu bạn có nền tảng giáo dục không đều, vui lòng nộp một tài liệu giải thích riêng biệt về quá trình học tập của bạn.
 - ※ Nếu bạn có khoảng trống trong lịch sử giáo dục hoặc công việc, vui lòng nộp một tài liệu giải thích riêng biệt về khoảng thời gian đó.
 - ※ Nếu bạn đã từng xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú trước đây, có thể sẽ cần thêm các tài liệu bổ sung. Vui lòng thông báo cho chúng tôi để biết thêm chi tiết.
- 2) Bản sao hộ chiếu của bạn (Nếu bạn đã có)
 - 3) Một ảnh thẻ chụp trong vòng 3 tháng gần đây (kích thước 4cm x 3cm)
 - 4) Chứng chỉ tốt nghiệp từ trình độ giáo dục cao nhất
 - 5) Giấy chứng nhận học tiếng Nhật
 - ※ Vui lòng nộp giấy chứng nhận học tiếng Nhật từ trường học hoặc trung tâm tiếng Nhật, ghi rõ tổng thời gian và/hoặc số giờ học.
 - ※ Tài liệu chứng minh trình độ tiếng Nhật tương đương với cấp độ JLPT N5 (hoặc ít nhất 150 giờ học) hoặc cao hơn.
 - 6) Bản tuyên bố viết giải thích lý do học tiếng Nhật và kế hoạch tương lai sau khi tốt nghiệp từ viện. (Mẫu đơn theo quy định) (Cần thiết nếu đã hơn năm năm kể từ khi tốt nghiệp lần cuối.)
 - 7) Bản cam kết tài chính (Không yêu cầu nếu người nộp đơn tự túc) (Mẫu đơn theo quy định)
 - ※ Nếu người hỗ trợ tài chính không phải là cha mẹ của người nộp đơn, vui lòng cung cấp giải thích chi tiết về cách họ trở thành người hỗ trợ tài chính cho người nộp đơn.
 - 8) Tài liệu chứng minh mối quan hệ giữa người hỗ trợ tài chính và người nộp đơn.
 - (Không yêu cầu nếu người nộp đơn tự túc)
 - ※ Giấy khai sinh hoặc giấy tờ chính thức chứng minh mối quan hệ gia đình (chứng minh mối quan hệ cha mẹ - con cái, giấy chứng nhận kết hôn, v.v.)
 - 9) Giấy chứng nhận số dư ngân hàng của người hỗ trợ tài chính
 - 10) Tài liệu chứng minh nguồn tiền
 - ※ Bản sao sao kê giao dịch ngân hàng hoặc sổ tiết kiệm ngân hàng (trong vòng 1 năm qua)
 - 11) Giấy chứng nhận thu nhập của người hỗ trợ tài chính
 - 12) Giấy chứng nhận học bổng, bao gồm số tiền học bổng và thời gian (Nếu có)
 - 13) Tài liệu chứng minh nghề nghiệp và các thông tin khác của người hỗ trợ tài chính
 - ※ Giấy chứng nhận bao gồm: ngày cấp, tên tổ chức phát hành, thông tin liên hệ của tổ chức phát hành, tên người hỗ trợ tài chính, chức danh, mô tả công việc, thời gian công tác, v.v.
 - ※ Nếu người hỗ trợ tài chính cư trú tại Nhật Bản, vui lòng cung cấp giấy chứng nhận cư trú tại Nhật Bản.
 - 14) Giấy chứng nhận không mắc bệnh lao
 - ※ Dành cho những người có quốc tịch Nepal, Philippines hoặc Việt Nam
 - 15) Các tài liệu khác mà trường chúng tôi cho là cần thiết

Lưu ý: Tất cả các tài liệu phải kèm theo bản dịch tiếng Nhật.

6. Chi phí phải nộp

① Học phí

	1 năm	1 năm 3 tháng	1 năm 6 tháng	1 năm 9 tháng	2 năm
Phí tuyển sinh	¥20,000	¥20,000	¥20,000	¥20,000	¥20,000
Phí nhập học	¥50,000	¥50,000	¥50,000	¥50,000	¥50,000
Học phí năm đầu	¥650,000	¥650,000	¥650,000	¥650,000	¥650,000
Học phí năm 2	¥0	¥162,500	¥325,000	¥487,500	¥650,000
Phí sách giáo khoa	¥20,000	¥20,000	¥20,000	¥20,000	¥20,000
Phí duy trì cơ sở hạ tầng	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000
Tổng	¥750,000	¥912,500	¥1,075,000	¥1,237,500	¥1,400,000
Số tiền bao gồm thuế	¥825,000	¥1,003,750	¥1,182,500	¥1,361,250	¥1,540,000

※Số tiền trên sẽ được áp dụng từ năm 2023.

② Về phí ký túc

	1 năm	1 năm 3 tháng	1 năm 6 tháng	1 năm 9 tháng	2 năm
Phí vào ở	¥30,500	¥30,500	¥30,500	¥30,500	¥30,500
Phí thuê ký túc xá năm nhất	¥276,000	¥276,000	¥276,000	¥276,000	¥276,000
Phí thuê ký túc xá năm thứ 2	¥0	¥69,000	¥138,000	¥207,000	¥276,000
Phí dọn dẹp ký túc xá	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000
Phí duy trì cơ sở hạ tầng	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000
Tổng	¥326,500	¥395,500	¥464,500	¥533,500	¥602,500

※Phí thuê ở ký túc không gồm chi phí nhiên liệu như chiếu sáng và gas. Chi phí nhiên liệu gas và chiếu sáng thu theo thực tế sử dụng

※Nguyên tắc: trong vòng một năm sau khi nhập học phải ở trong ký túc

※Các tiện nghi ký túc xá bao gồm giường futon, điều hòa không khí, bếp gas, máy giặt, tủ lạnh,Wi-Fi, vòi hoa sen và nhà vệ sinh. Xe đạp v.v. phải được mua bởi chính mình.

③ Về các phí khác

	1 năm	1 năm 3 tháng	1 năm 6 tháng	1 năm 9 tháng	2 năm
Phí kiểm tra sức khỏe	¥1,000	¥1,000	¥1,000	¥1,000	¥1,000
Phí bảo hiểm y tế toàn dân	¥17,900	¥4,500	¥8,900	¥13,400	¥17,900
Bảo hiểm du học sinh	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000	¥10,000
Tổng	¥28,900	¥15,500	¥19,900	¥24,400	¥28,900

※Bảo hiểm du học sinh sau 1 năm tùy ý tham gia

※Phí bảo hiểm sức khỏe toàn dân sẽ là số tiền năm thứ nhất, niên độ tiếp theo sẽ tự chịu. Số tiền có thể sẽ thay đổi

7. Những thông tin quan trọng về việc thanh toán phí

- Ứng viên vượt qua bài kiểm tra (phỏng vấn) sẽ cần thanh toán phí thi là 22.000 Yên (đã bao gồm thuế).
- Khi cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú, vui lòng thanh toán học phí và phí ký túc theo quy định.
- Xin lưu ý rằng nếu Giấy chứng nhận tư cách lưu trú không được cấp do không khai báo các lần từ chối trước đây, bạn sẽ phải thanh toán phí thi.
- Nếu Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản từ chối cấp visa, hoặc bạn bị từ chối nhập cảnh vào Nhật Bản, hoặc nếu bạn quyết định không nhập học, trường sẽ hoàn lại số tiền đã thanh toán, trừ phí thi, phí nhập học, phí ký túc xá và phí chuyển tiền, sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết.
- Học phí và phí ký túc năm đầu về nguyên tắc sẽ thu một năm một lần. Nếu thôi học, không trả lại học phí.

8. Thông tin ngân hàng

【Chuyển khoản nội địa】

Tên ngân hàng	Bank of the Ryukyus,Limited.
Tên chi nhánh	Gushikawa Branch
Địa chỉ ngân hàng	1-9-19, Agena ,Uruma-City, Okinawa
Số tài khoản ngân hàng	Regular Saving 643616
Tên tài khoản ngân hàng	Shingaku, LTD.

【Khi chuyển tiền từ nước ngoài về Nhật Bản】

Tên ngân hàng	Bank of the Ryukyus, Ltd.
Mã SWIFT	RYUBJPJZ
Địa chỉ ngân hàng	1-11-1 Kumoji, Naha, Okinawa, Japan
Tên tài khoản ngân hàng	SHINGAKU, LTD.
Tên chi nhánh (Mã chi nhánh)	Gushikawa Branch (503)
Số tài khoản	503-643616 (Mã chi nhánh 3 chữ số + Số tài khoản)

9. Địa chỉ liên hệ

Zipcode : 904-2215

Address : 5-3-25, Midorimachi, Uruma-City, Okinawa

TEL: 098-972-4888 FAX: 098-989-4697

E-mail: info@toyo-alcc.com URL: <http://www.toyo-alcc.com>